TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 2000 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Văn Thị Thanh H – Luật sư Công ty Luật TNHH Youth & Partners; địa chỉ: Số 170, phố N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Anh Vương Văn D, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị

M trình bày: Chị kết hôn với anh Vương Văn D ngày 18/01/2021, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh D tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm bình thường, đến tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên chị và anh D thường xuyên xảy ra xô xát; ngoài ra anh D còn thường xuyên đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên tháng 02/2023 chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống; chị và anh D sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh D không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Vương Tuệ N, sinh ngày 26/01/2022. Hiện nay cháu N đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vương Văn D, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D; tuy nhiên anh D không tới Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M, cho chị M được ly hôn anh Vương Văn D. Về con chung, chị Lê Thị M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Tuệ N; do chị M không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vương Văn D và giải quyết về con chung; anh Vương Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Vương Văn D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Vương Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát; chị M và anh D đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay, không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A về hộ khẩu của anh D, thể hiện anh D có hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh D đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm, quá trình giải quyết vụ án chị M kiên quyết xin ly hôn anh D. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M đề nghị được ly hôn anh D là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung là cháu Vương Tuệ N, sinh ngày 26/01/2022. Hiện nay cháu N đang ở với chị M. Ly hôn, chị M đề nghị được nuôi cháu N, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi..."*. Cháu N hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, do vậy để đảm bảo lợi ích của cháu N theo quy định của pháp luật và cũng là nguyện vọng của chị M, cần giao cháu N cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị M không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Vương Văn D

2. Về con chung: Chị Lê Thị M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Tuệ N, sinh ngày 26/01/2022. Anh Vương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003344 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh